TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HS-ST
Ngày 24/7/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hiển, ông Nguyễn Tiến Sang.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa***: ***phiên tòa***: Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2025 tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2025/TLST-HS ngày 26/6/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HS ngày 10/7/2025, đối với bị cáo:

BÙI ĐỨC H, sinh ngày: 20/5/1984 tại tỉnh Hưng Yên (Trước sáp nhập là tỉnh Thái Bình); Nơi cư trú: thôn K, phường V, tỉnh Hưng Yên (Trước sáp nhập là thôn K, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình); CCCD số: 034084006276; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị S; có vợ là chị Phùng Thị O và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2007 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Sư đoàn C, quân chủng Phòng không - không quân, năm 2009 xuất ngũ.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/5/2025, chuyển tạm giam ngày 07/5/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực V - Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh H. *(có mặt)*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Trần Văn H1, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn V, xã V, tỉnh Hưng Yên (Trước sáp nhập là thôn V, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình);

- Anh Lại Đình T1, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ E, phường T, tỉnh Hưng Yên (Trước sáp nhập là tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình);

- Anh Hoàng Văn T2, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn V, xã V, tỉnh Hưng Yên (Trước sáp nhập là thôn V, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình);

- Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên (Trước sáp nhập là thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình);

- Anh Đặng Minh T3, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Tổ A, xã V, tỉnh Hưng Yên (Trước sáp nhập là tổ A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình).

(Anh H1, anh T1, anh T2, anh Tuấn A và anh T3 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

** Người làm chứng*: Chị Phùng Thị O, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn K, phường V, tỉnh Hưng Yên (Trước sáp nhập là thôn K, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình) *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ 19 giờ ngày 04/05/2025, thực hiện kế hoạch công tác của Phòng C1 Công an tỉnh T (nay là Công an tỉnh H), tổ công tác thuộc đội Cảnh sát giao thông đường bộ gồm các đồng chí: Thiếu tá Lại Đình T1, Đại úy Đặng Minh T3, Đại úy Hoàng Văn T2, Đại úy Trần Văn H1, Thượng úy Nguyễn Tuấn A thực hiện nhiệm vụ tuần tra kiểm soát xử lý vi phạm trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông, tập trung xử lý vi phạm về nồng độ cồn của người điều khiển phương tiện trên tuyến đường 220C tại khu vực cầu C thuộc địa phận tổ M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình (nay là tổ M, xã V, tỉnh Hưng Yên). Đồng chí Lại Đình T1 phụ trách chung, đồng chí Đặng Minh T3 phụ trách xử lý, lập biên bản vi phạm khi phát hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông, các đồng chí còn lại phụ trách dừng phương tiện, vận hành máy kiểm tra nồng độ cồn, kiểm tra kiểm soát giấy tờ phương tiện, người điều khiển phương tiện.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, phát hiện người phụ nữ (sau xác định là chị Phùng Thị O) điều khiển xe môtô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 17L1-1543, đang lưu thông trên tuyến đường 220C theo hướng đi từ bệnh viện Đa khoa huyện V, tỉnh Thái Bình (cũ) về phía cầu T, chở phía sau 02 người (là con trai Bùi Đăng P ngồi giữa và chồng là Bùi Đức H ngồi sau) đồng chí Hoàng Văn T2 ra tín hiệu dừng xe. Khi chị O dừng xe, đồng chí T2 yêu cầu chị O xuất trình giấy tờ xe và giấy phép lái xe nhưng chị O không xuất trình được do không mang theo. Vì vậy, đồng chí T2 bàn giao cho đồng chí Đặng Minh T3 tiếp tục làm việc với chị O. Lúc này, Bùi Đức H (đã uống rượu, bia) đi đến phía đồng chí T3, xin đồng chí T3 bỏ qua nhưng đồng chí T3 không đồng ý. Để gây áp lực, buộc đồng chí T3 bỏ qua lỗi vi phạm của chị O, T2 to tiếng chửi bới đồng chí T3.

Mặc dù đồng chí T3 và các đồng chí trong tổ đã nhắc nhở và yêu cầu H cư xử có văn hoá nhưng H không dừng lại mà tiếp tục tiếp tục chửi bới và cởi áo, thách thức đồng chí T3 đánh nhau nhằm cản trở không cho đồng chí T3 thực hiện nhiệm vụ. Chị O đi đến can ngăn và đẩy H ra nhưng H tiếp tục chửi đồng chí T3. Khi đồng chí T3 đang đứng giải thích cho H thì bất ngờ H đẩy chị O về phía đồng chí T3 đồng thời lao đến đối diện với đồng chí T3, dùng tay phải tát một nhát trúng vào má trái đồng chí T3. Tổ công tác sau đó đã khống chế H và đưa H về trụ sở để làm việc.

Kết luận giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể trên người sống số 128/KLTTCT-TTGDYK-PY ngày 13/6/2025 của Trung tâm giám định y khoa - pháp y Sở Y đối với đồng chí Đặng Minh T3, kết luận: *Gò má trái hiện không còn sưng nề, không bầm tím, không cho điểm tỷ lệ theo thông tư.*

Cáo trạng số 27/CT-VKSVT ngày 26/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên) đã truy tố bị cáo Bùi Đức H về tội *"Chống người thi hành công vụ"* theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 5 – Hưng Yên giữ nguyên truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Đức H phạm tội "Chống người thi hành công vụ". Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Đức H từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 05/5/2025. Về bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên đã truy tố, không có ý kiến tranh luận và nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, do đã uống rượu bia nên nóng nảy, thiếu kìm chế bản thân nên đã nhất thời phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình (nay là Cơ quan điều tra Công an tỉnh H), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình

điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác Cơ quan điều tra thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Kế hoạch công tác tuần từ ngày 28/4/2025 đến 04/5/2025 của Đội Cảnh sát giao thông đường bộ thuộc Phòng C1, công an tỉnh T (nay thuộc công an tỉnh H); Báo cáo vụ việc ngày 04/5/2025; Biên bản ghi lời khai của anh Đặng Minh T3, anh Trần Văn H2, anh Lại Đình T1; anh Hoàng Văn T2, anh Nguyễn Tuấn A; biên bản ghi lời khai của người làm chứng là chị Phùng Thị O… cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 04/5/2025, tại khu vực cầu C thuộc tổ M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình (nay là tổ M, xã V, tỉnh Hưng Yên), thực hiện kế hoạch công tác, tổ công tác thuộc C1 Công an tỉnh T (nay thuộc công an tỉnh H) tiến hành dừng xe mô tô do chị Phùng Thị O điều khiển để yêu cầu kiểm tra giấy tờ xe, nhưng chị O không xuất trình được. Bùi Đức H là chồng của chị O muốn tổ công tác bỏ qua lỗi vi phạm của chị O nhưng không được chấp nhận nên đã to tiếng, chửi bới, cởi áo, thách thức người thi hành công vụ đánh nhau nhằm cản trở việc thực hiện nhiệm vụ của tổ công tác. Bùi Đức H sau đó đã dùng tay phải tát 01 phát trúng vùng má trái của đồng chí Đặng Minh T3 là cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T, thành viên của tổ công tác, khiến tổ công tác phải khống chế và đưa H về trụ sở làm việc.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Chống người thi hành công vụ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự.

Điều 330. Chống người thi hành công vụ

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của Bùi Đức H là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, hoạt động đúng đắn của lực lượng thực thi công vụ được pháp luật bảo vệ. Mặc dù anh Đặng Minh T3 không bị thương tích nặng (giám định kết luận không có tỷ lệ tổn thương cơ thể), nhưng hành vi của bị cáo đã làm gián đoạn việc thi hành công vụ, đe dọa an toàn và tính nghiêm minh trong việc thực thi pháp luật, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy, phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc để cải tạo bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo Bùi Đức H có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải. Bị cáo đã tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự; anh Đặng Minh T3 có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Anh Đặng Minh T3 không yêu cầu bị cáo Bùi Đức H phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào nên HĐXX không giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, biển số 17L1-1543 là tài sản hợp pháp của chị Phùng Thị O. Chị O có đơn đề nghị được nhận lại xe. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (nay là công an tỉnh H) đã trả lại chiếc xe trên cho chị O. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là đúng theo quy định tại Điều 104 Bộ Luật Tố tụng Hình sự, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Đức H phạm tội "Chống người thi hành công vụ".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Đức H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2025.

3. Về án phí: Bị cáo Bùi Đức H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Bùi Đức H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/7/2025).

Nơi nhận:
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ sở giam giữ.
- Cơ quan CSĐT, cơ quan THAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 -Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Hưng Yên;
- Lưu Hồ sơ vụ án; Lưu HCTP./.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình

Nơi nhận:
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ sở giam giữ.
- Cơ quan CSĐT, cơ quan THAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Hưng Yên;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Hưng Yên;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP./.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Bình